

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đô thị	Loại đô thị		
		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2030-2050
I	Đô thị tỉnh lỵ			
	Thành phố Sơn La (mở rộng)	II	II	I
II	Đô thị Huyện lỵ			
1	Đô thị Mộc Châu (phạm vi toàn bộ địa giới hành chính huyện)	IV	IV	II
2	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	IV	IV	III
3	Thị trấn Sông Mã (mở rộng), huyện Sông Mã	V	IV	III
4	Thị trấn Phù Yên (mở rộng), huyện Phù Yên	V	IV	III
5	Đô thị Ít Ong, huyện Mường La	V	IV	III
6	Thị trấn Thuận Châu (mở rộng), huyện Thuận Châu	V	IV	III
7	Thị trấn Bắc Yên (mở rộng), huyện Bắc Yên	V	V	IV
8	Thị trấn Yên Châu (mở rộng), huyện Yên Châu	V	V	IV
9	Thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	V	V	IV
10	Thị trấn Quỳnh Nhai (mở rộng), huyện Quỳnh Nhai	V	V	IV
11	Thị trấn Vân Hồ, huyện Vân Hồ	V	V	IV
III	Các đô thị khác			
1	Đô thị Gia Phù, huyện Phù Yên	V	V	IV
2	Đô thị Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	V	V	IV
3	Đô thị Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	V	V	IV
4	Đô thị Chiềng Khương, huyện Sông Mã	V	V	IV
5	Đô thị Ngọc Chiến, huyện Mường La	-	V	IV
6	Đô thị Mường Bú, huyện Mường La	-	-	V
7	Đô thị Chiềng Yên, huyện Vân Hồ	-	-	V
8	Đô thị Tô Múa, huyện Vân Hồ	-	-	V
9	Đô thị Co Mạ, huyện Thuận Châu	-	-	V
10	Đô thị Phổng Lái, huyện Thuận Châu	-	-	V
11	Đô thị Mường Lầm, huyện Sông Mã	-	-	V

12	Đô thị Mường Cơi, huyện Phù Yên	-	-	V
13	Đô thị Chiềng Mai, huyện Mai Sơn	-	-	V

Ghi chú:

- Phạm vi, ranh giới dự kiến của các đô thị được xác định cụ thể trong nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật;

- Việc phân loại đô thị phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia./.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Hiện trạng	Diện tích dự kiến (ha)		
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Khu công nghiệp Mai Sơn	Xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn	63,7	150,0	150	312,0
2	Khu công nghiệp Vân Hồ	Bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ		216,65	216,65	216,65
3	Khu công nghiệp Yên Châu	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu		0,00	0,00	117,0
4	Khu công nghiệp Lóng Sập	Gắn với KKT Lóng Sập sau khi mở rộng		0,00	0,00	200-300
5	Khu công nghiệp Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã		0,00	0,00	150,0

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình quy hoạch xây dựng, lập, phê duyệt dự án đầu tư;

- Đối với phần diện tích quy hoạch nằm ngoài chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ triển khai thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền phân bổ thêm chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp./.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động		
1	Cụm công nghiệp Gia Phù	Xã Gia Phù, huyện Phù Yên	38,1
2	Cụm công nghiệp Mộc Châu	Tiểu khu Bó Bun, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	25,25
II	Các cụm công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030		
1	Cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ	Bản Hoàng Văn Thụ, xã Hua La, thành phố Sơn La	60,0
2	Cụm công nghiệp Tông Cọ	Bản Sen To, xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu	38,0
3	Cụm công nghiệp Chiềng Bằng	Bản Lọng Đán, xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai	50,0
4	Cụm công nghiệp Lóng Luông	Bản Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ	50,0
5	Cụm công nghiệp Sập Vạt	Xã Sập Vạt huyện Yên Châu	15,0
6	Cụm công nghiệp Cò Nòi	Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	75,0
7	Cụm công nghiệp Huy Tân	Xã Huy Tân, huyện Phù Yên	20,0
8	Cụm công nghiệp Tân Lang	Xã Tân Lang, huyện Phù Yên	15,0
9	Cụm công nghiệp Phiêng Ban	Xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên	20,0
10	Cụm công nghiệp Mường Bon	Bản Xa Cẩn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn	70,0
11	Cụm công nghiệp Nà Nghịu	Bản Xum Côn, Bản Mé, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã	50,0

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
12	Cụm công nghiệp Mường La	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	30,0
13	Cụm công nghiệp Mường Giàng	Khu Phiêng Xía, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai	32,0
III	Các cụm công nghiệp thành lập mới giai đoạn 2031 - 2050		
1	Cụm công nghiệp Mường Chùm	Bản Nà Thuồn và bản Nong Chạy xã Mường Chùm, huyện Mường La	50,0
2	Cụm công nghiệp Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	70,0
3	Cụm công nghiệp Song Pe	Xã Song Pe, huyện Bắc Yên	27,0
4	Cụm công nghiệp Song Khũa	Bản Song Hưng, xã Song Khũa, huyện Vân Hồ	70,0
5	Cụm công nghiệp Phổng Lái	Bản Kiến Xương, xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	50,0
6	Cụm công nghiệp Mường Và	Xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	20,0
TỔNG CỘNG			875,35

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn phải phù hợp với nhu cầu thực tế và căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU, VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu, vùng	Đến năm 2030	
		Số khu, vùng	Diện tích dự kiến (ha)
	Tổng	26	6.950
A	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		
	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La tại huyện Mộc Châu	1	200
B	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		
I	Trồng trọt	18	
1	Vùng cà phê thành phố Sơn La		300
2	Vùng mận Mộc Châu		300
3	Vùng chè Mộc Châu - Vân Hồ		500
4	Vùng sản xuất hoa Mộc Châu – Vân Hồ		100
5	Vùng mận Yên Châu		300
6	Vùng chè Phổng Lái		300
7	Vùng cà phê Thuận Châu		300
8	Vùng cà phê Mai Sơn		500
9	Vùng Na Mai Sơn		300
10	Vùng cây ăn quả có múi Mai Sơn		300
11	Vùng nhãn Sông Mã		1.000
12	Vùng cây ăn quả có múi Sốp Cộp		300
13	Vùng xoài Mường La		300
14	Vùng cây ăn quả có múi Phù Yên		350

TT	Tên khu, vùng	Đến năm 2030	
		Số khu, vùng	Diện tích dự kiến (ha)
15	Vùng sản xuất rau an toàn Mộc Châu - Vân Hồ		300
16	Vùng xoài Yên Châu - Mai Sơn		500
17	Vùng nhãn Mai Sơn -Yên Châu		500
18	Vùng sản xuất rau an toàn Mai Sơn - Yên Châu		300
II	Chăn nuôi	7	
1	Vùng nuôi bò sữa Mộc Châu		
2	Vùng chăn nuôi lợn Vân Hồ		
3	Vùng chăn nuôi đại gia súc Thuận Châu		
4	Vùng chăn nuôi đại gia súc Sông Mã		
5	Vùng chăn nuôi đại gia súc Sốp Cộp		
6	Vùng chăn nuôi đại gia súc Mai Sơn		
7	Vùng chăn nuôi đại gia súc Bắc Yên		

Ghi chú: Tên, quy mô diện tích của khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sẽ được xác định chính xác trong đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong quyết định công nhận vùng.

Phụ lục V

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu, điểm du lịch	Diện tích dự kiến (ha)
A	Khu du lịch cấp quốc gia	
	Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	205.405
B	Khu du lịch cấp tỉnh	
1	Khu du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La (tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia giai đoạn 2031-2050)	1.332,6
2	Khu du lịch sinh thái Tà Xùa (Bắc Yên)	13.000
3	Khu du lịch Đèo Pha Đin	1.200
4	Khu du lịch Ngọc Chiến	21.219,5
5	Khu du lịch rừng Thông bản Áng	62,0
C	Các điểm du lịch	
	Các điểm du lịch tại các vị trí tiềm năng khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định	

Ghi chú: Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các khu, cụm, điểm du lịch sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và triển khai dự án đầu tư.

Phụ lục VI

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (Km)	Quy mô dự kiến (cấp/làn xe)
I	Mạng lưới đường cao tốc			231,0	
	Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên	Ranh giới tỉnh Hòa Bình và tỉnh Sơn La	Ranh giới tỉnh Sơn La và tỉnh Điện Biên	231,0	4 làn xe
-	Hòa Bình - Mộc Châu	Ranh giới tỉnh Hòa Bình và tỉnh Sơn La	QL.43 (xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu)	31,0	4 làn xe
-	Mộc Châu - TP. Sơn La	QL.43 (xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu)	Thành phố Sơn La	105,0	4 làn xe
-	TP. Sơn La - Điện Biên	Thành phố Sơn La	Ranh giới tỉnh Sơn La và tỉnh Điện Biên	95,0	4 làn xe
II	Mạng lưới quốc lộ			1.172,9	
1	QL.6	Lóng Luông, Vân Hồ	Phổng Lái, Thuận Châu	213,3	III, 2-6 làn xe
2	QL4G	QL.6, thành phố Sơn La (Ngã ba Chiềng Sinh)	Cửa khẩu Nậm Lạnh	154	IV-III, 2-4 làn xe
3	QL.6B	QL.6, Chiềng Pắc Thuận Châu	QL.279, Phiêng Lanh, Quỳnh Nhai	33,0	IV, 2 làn xe
4	QL.6C	QL.6, Tà Làng, Yên Châu	QL.6, Cò Nòi, Mai Sơn	69,2	IV, 2 làn xe
		Bao gồm nhánh kết nối đến khu di tích lịch sử quốc gia Việt Nam – Lào (Kim Chung – Lao Khô)			

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (Km)	Quy mô dự kiến (cấp/làn xe)
5	QL.12	Bó Sinh, Sông Mã	QL.4G, thị trấn Sông Mã	50,3	IV-III, 2-4 làn xe
6	QL32B	Ngã Hai, Phù Yên	QL.37, Mường Cơi, huyện Phù Yên	11,0	IV, 2-4 làn xe
7	QL.37	Đèo Lũng Lô, Phù Yên	QL.4G, thị trấn Sông Mã	182,5	IV-III, 2-4 làn xe
8	QL.43	QL.37, Gia Phù, Phù Yên	Cửa khẩu Lóng Sập, Mộc Châu	112,9	IV-III, 2-4 làn xe
9	QL.279	Đèo Cáp Na, Quỳnh Nhai	Đèo Minh Thắng, Quỳnh Nhai	55,2	IV-III, 2-4 làn xe
10	QL.279D	Huổi Quảng, Mường La	QL.6, TP. Sơn La	77,5	IV, 2 làn xe
11	QL.279C	Km64/ĐT.105, ranh giới Sơn La và Điện Biên	Km122/QL.4G, Sốp Cộp, Sơn La	64,0	IV-III, 2-4 làn xe
12	QL.32D	Km50, ĐT.112, Xím Vàng, Bắc Yên (ranh giới giữa Yên Bái - Sơn La)	Mường Bang, Phù Yên, kết nối đến Km83+880, ĐT.433 (ranh giới giữa Sơn La - Sơn La)	101,0	IV, 2-4 làn xe
13	QL.16	QL.43, Chiềng Sơn, Mộc Châu	Tân Xuân, Vân Hồ (ranh giới tỉnh Sơn La với Thanh Hóa)	49,0	IV, 2 làn xe
III	Mạng lưới đường tỉnh			1.719,7	
1	ĐT.101	QL.16, Tân Xuân, Vân Hồ	Bến Hang Miếng, Quang Minh, Vân Hồ	72,5	V-III, 2 làn xe
2	ĐT.101B	QL.43, Phiêng Luông, Mộc Châu	Chiềng Yên, Vân Hồ	48	V, 2 làn xe
3	ĐT.101C	ĐT.101, Tô Múa, Vân Hồ	Liên Hòa, Vân Hồ	25	V, 2 làn xe
4	ĐT.102	QL.43, Mường Sang, Mộc Châu	QL.6C, Lóng Phiêng, Yên Châu	42	V, 2 làn xe
5	ĐT.103	QL.6, Chiềng Sàng, Yên Châu	Cửa khẩu Nà Cài, Yên Châu	32,0	V, 2 làn xe
6	ĐT.103B	QL.6, Thị trấn Yên Châu	QL.6C, Phiêng Khoài, Yên Châu	13,0	V, 2 làn xe
7	ĐT.104	QL.43, TT Nông	ĐT.120, Chiềng Sại,	61	V-III, 2 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (Km)	Quy mô dự kiến (cấp/làn xe)
		Trường Mộc Châu	Bắc Yên		
8	ĐT.105	Thị trấn Sốp Cộp	Mốc D187	38	V, 2 làn xe
9	ĐT.105B	ĐT.115, Chiềng Khoong, Sông Mã	QL.279C, Mường Lèo, Sốp Cộp	56	V, 2 làn xe
10	ĐT.106	QL.279, Mường Giôn, Quỳnh Nhai	Chiềng Lao, Mường La	54,7	V, 2 làn xe
11	ĐT.107	QL.279, Mường Giôn, Quỳnh Nhai	Chiềng Khay, Quỳnh Nhai (tiếp giáp Than Uyên, Lai Châu)	23,9	V, 2 làn xe
12	ĐT.107B	QL.279, Pá Ma Pha Khinh, Quỳnh Nhai	Cà Nàng, Quỳnh Nhai (tiếp giáp Nậm Hăn, Sìn Hồ, Lai Châu)	52	V, 2 làn xe
13	ĐT.107C	ĐT.107, Chiềng Khay, Quỳnh Nhai	Kết nối sang xã Nậm Sỏ, Tân Uyên	23,7	V, 2 làn xe
14	ĐT.107D	ĐT.107B, Cà Nàng, Quỳnh Nhai	ĐT.107C, Chiềng Khay, Quỳnh Nhai	20	V, 2 làn xe
15	ĐT.108	QL.6, Thị trấn Thuận Châu	Mường Bám, Thuận Châu (tiếp giáp Điện Biên)	68	V, 2 làn xe
16	ĐT.108B	ĐT.108, Co Mạ, Thuận Châu	QL.12, Bó Sinh, Sông Mã	30	V, 2 làn xe
17	ĐT.109	QL.279D, Thị trấn Ít Ong, Mường La	Ngọc Chiến, Mường La (tiếp giáp Mù Cang Chải, Yên Bái)	36	IV, 2 làn xe
18	ĐT.110	QL.6, Thị trấn Hát Lót, Mai Sơn	QL.279D, Mường Bú, Mường La	38,4	IV, 2 làn xe
19	ĐT.110B	ĐT.110, Nà Bó, Mai Sơn	ĐT.111, Chim Vàn, Bắc Yên	22	V, 2 làn xe
20	ĐT.110C	ĐT.110, Hát Lót, Mai Sơn	QL.279D, Mường Bú, Mường La	29,5	V, 2 làn xe
21	ĐT.111	QL.37, Phiêng Ban, Bắc Yên	QL.279D, Ít Ong, Mường La	83,2	IV, 2 làn xe
22	ĐT.112	QL.37, Thị trấn Phù Yên, Phù Yên	QL.32D, Tà Xùa, Bắc Yên	46,5	V, 2 làn xe
23	ĐT.113	QL.37, Nà Nghịu, Sông Mã	ĐT.108B, Co Mạ, Thuận Châu	46,5	V, 2 làn xe

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (Km)	Quy mô dự kiến (cấp/làn xe)
24	ĐT.114	QL.32B, Tân Lang, Phù Yên	QL.32D, Tường Phong, Phù Yên	79,5	V, 2 làn xe
25	ĐT.115	QL.4G, Huổi Một, Sông Mã	Cửa khẩu Chiềng Khương	40,0	V, 2 làn xe
26	ĐT.116	QL.279D, Mường Bú, Mường La	QL.6B, Tông Cọ, Thuận Châu	38,8	V, 2 làn xe
27	ĐT.116B	ĐT.116, Bó Mười, Thuận Châu	QL.6B, Chiềng Khoang, Quỳnh Nhai	26,3	V, 2 làn xe
28	ĐT.117	QL.4G, Chiềng Ban, Mai Sơn	QL.6, Mường É, Thuận Châu	77	V, 2 làn xe
29	ĐT.117B	QL.6, TP.Sơn La	QL.37, Phiêng Cầm, Mai Sơn	61,0	V, 2 làn xe
30	ĐT.117C	QL.6, Muối Nội, Thuận Châu	QL.279C, Púng Bánh, Sốp Cộp	63,4	V, 2 làn xe
31	ĐT.118	QL.279D, Chiềng Xôm, TP. Sơn La	QL.37, Cò Nòi, Mai Sơn	47	III, 2 làn xe
32	ĐT.119	QL.6, Phổng Lái, Thuận Châu	QL.279, Mường Giàng, Quỳnh Nhai	14	V, 2 làn xe
33	ĐT.120	QL.6, Chiềng Đông, Yên Châu	QL.43, Tường Tiến, Phù Yên	54	V, 2 làn xe
34	ĐT.120B	QL.37, Thị trấn Bắc Yên, Bắc Yên	ĐT.120, Đá Đỏ, Phù Yên	39	V, 2 làn xe
35	ĐT.120C	QL.6, Thị trấn Yên Châu, Yên Châu	QL.37, Cầu Tạ Khoa, Bắc Yên	32	V, 2 làn xe
36	ĐT.121	Cao tốc CT.03, Chiềng Mai, Mai Sơn	KCN Mai Sơn	12	III, 2 làn xe
37	ĐT.122	Quỳnh Nhai	Phù Yên	120	IV, 2 làn xe
38	ĐT.123	ĐT.113, Chiềng Phung, Sông Mã	QL.279C, Mường Lèo, Sốp Cộp	53,8	V, 2 làn xe
IV	Đường vành đai đô thị			123,44	
	VĐ 1	Vành đai thành phố Sơn La – thị trấn Hát Lót		123,44	IV-III, 2 làn xe

Ghi chú:

- Đối với cao tốc, quốc lộ thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, đến năm 2050 đã được phê duyệt;

- Chiều dài xây dựng sẽ xác định cụ thể trong quá trình lập dự án, đối với các đoạn đường qua đô thị, quy mô xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị;

- Quy mô các tuyến đường trong quy hoạch là quy mô dự kiến. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án, tùy theo nhu cầu vận tải sẽ xác định quy mô thực tế của tuyến đường; đồng thời, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng huy động nguồn lực sẽ quyết định phân kỳ đầu tư để bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án;

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực sẽ nghiên cứu đầu tư các đoạn tuyến tránh đô thị, khu vực đèo dốc nguy hiểm, vị trí không thể mở rộng.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÁC DỰ ÁN ĐANG VẬN HÀNH

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất (MW)	Ghi chú
A	Thủy điện nhỏ			
1	Chiềng Ngâm	huyện Thuận Châu	1,8	
2	Suối Sập 2	huyện Phù Yên	14,4	
3	Mường Sang 1	huyện Mộc Châu	2,4	
4	Suối Tân 1	huyện Vân Hồ	2,5	
5	Nậm Pịa	huyện Mường La	15	
6	Nậm Chiến 2	huyện Mường La	32	
7	Nậm Chim 1	huyện Bắc Yên	16	
8	Nậm Công 4	huyện Sông Mã	10	
9	Nậm Sỏi	huyện Sông Mã	10	
10	Chiềng Công 1	huyện Mường La	6,4	
11	Chiềng Công 2	huyện Mường La	5,25	
12	Nậm Công 3	huyện Sông Mã	8	
13	Nậm Khót	huyện Mường La	11	
14	Nậm Chanh	Thành phố Sơn La	2,1	
15	Suối Sập 3	huyện Phù Yên	14	
16	Nậm La	huyện Mường La	27	
17	Suối Sập 1	huyện Phù Yên	19,5	
18	Tà Cọ	huyện Sông Mã	30	
19	Nậm Hồng 2	huyện Mường La	8	
20	Nậm Hồng 1	huyện Mường La	8	
21	Chiềng Ngâm Thượng	huyện Thuận Châu	10	
22	Háng Đồng A1	huyện Bắc Yên	8,4	
23	Pá Chiến	huyện Mường La	22	

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất (MW)	Ghi chú
24	Suối Lừm 1	huyện Bắc Yên	20	
25	Tà Niết	huyện Mộc Châu	3,6	
26	Nậm Giôn	huyện Quỳnh Nhai	20	
27	Nậm Xá	huyện Mường La	9,6	
28	Nậm Chim 1A	huyện Bắc Yên	10	
29	Tắt Ngoẵng	huyện Mộc Châu	7	
30	Suối Tân 2	huyện Vân Hồ	4	
31	Suối Lừm 3	huyện Bắc Yên	14	
32	Nậm Chim 2	huyện Bắc Yên	14	
33	Háng Đồng A	huyện Bắc Yên	16	
34	To Buông	huyện Yên Châu	8	
35	Nậm Hóa 2	huyện Thuận Châu	8	
36	Nậm Bú	huyện Mường La	7,2	
37	Đông Khùa	huyện Yên Châu	2,1	
38	Sập Việt	huyện Yên Châu	23,4	
39	Keo Bắc	huyện Sông Mã	1,8	
40	Xím Vàng 2	huyện Bắc Yên	18	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 36 MW khi đủ điều kiện
41	Mường Sang 2	huyện Mộc Châu	4,6	
42	Nậm Chiến 3	huyện Mường La	3,1	
43	Nậm Pía 1	huyện Mường La	6,8	
44	Sơ Vin	huyện Vân Hồ	2,8	
45	Nậm Trai 4	huyện Mường La	12	
46	Nậm Công 5	huyện Sông Mã	4	
47	Mường Hung	huyện Sông Mã	24	
48	Nậm Chim 1B	huyện Bắc Yên	10	
49	Mường Sang 3	huyện Mộc Châu	6	
50	Xuân Nha	huyện Vân Hồ	6	
51	Mường Bang	huyện Phù Yên	16	
52	Hồng Ngải	huyện Bắc Yên	10	

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất (MW)	Ghi chú
53	Ngọc Chiến	huyện Mường La	12	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 16 MW khi đủ điều kiện
54	Chiềng Muôn	huyện Mường La	13,2	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 15 MW khi đủ điều kiện
55	Phiêng Côn	huyện Bắc Yên	15	
56	Suối Sập 2A	huyện Bắc Yên	49,6	
57	Nậm Công 3A	huyện Sông Mã	4,5	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 5 MW khi đủ điều kiện
B	Điện sinh khối			
	Điện sinh khối mía đường Sơn La	huyện Mai Sơn	9	Tiếp tục nghiên cứu tiềm năng để nâng công suất lên 25MW khi có đủ điều kiện theo quy định

II. CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐÃ ĐƯỢC QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020 ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐƯỢC ĐƯA VÀO GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Ghi chú
1	Nậm Hóa 1	huyện Thuận Châu	18	
2	Háng Đồng B	huyện Bắc Yên	28	
3	Nậm Pàn 5	huyện Mường La	28	
4	Bó Sinh	huyện Sông Mã	24	

III. CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐÃ ĐƯỢC QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2011 – 2020 CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐƯỢC ĐƯA VÀO GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Ghi chú
1	Mường Lầm	huyện Sông Mã	18	
2	Nậm Trai 3	huyện Mường La	9	
3	Chiềng Hắc 1	huyện Mộc Châu	8	
4	Chiềng Hắc 2	huyện Yên Châu	5	
5	Suối Lèo	huyện Phù Yên	5	
6	Quang Huy	huyện Phù Yên	12	
7	Nậm Ty	huyện Sông Mã	6	
8	Suối Chiến	huyện Mường La	5	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 6,5 MW khi đủ điều kiện
9	Nậm Pàn 6	huyện Mường La	5,6	
10	Suối Lùm 1A	huyện Bắc Yên	7,5	
11	Suối Bé	huyện Bắc Yên	10	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 13,5 MW khi đủ điều kiện
12	Xím Vàng	huyện Bắc Yên	7	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 11 MW khi đủ điều kiện
13	Xím Vàng 3	huyện Bắc Yên	6	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 10,3 MW khi đủ điều kiện
14	Thủy điện Suối Lùm 1 Mở rộng	huyện Bắc Yên	20	Có tiềm năng, nghiên cứu mở rộng, nâng công suất lên 30 MW khi đủ điều kiện
15	Thủy điện Suối Tân 3	huyện Vân Hồ	15	

IV. CÁC NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
A	Thủy điện		340,5
1	Nậm Hét 2	huyện Thuận Châu	15
2	Nậm Hét 1	huyện Thuận Châu	13
3	Chiềng Khương	huyện Sông Mã	20
4	Yên Hưng	huyện Sông Mã	12
5	Chiềng Cang	huyện Sông Mã	19
6	Chiềng Khoong	huyện Sông Mã	17
7	Mường Bằng	huyện Mai Sơn	10,2
8	Suối Khừa	huyện Mộc Châu	17
9	Suối Phiêng	huyện Mộc Châu	12,3
10	Huổi Luông	huyện Yên Châu	11,6
11	Nậm Sỏi 1	huyện Sông Mã	11,6
12	Nậm Sỏi 3	huyện Sông Mã	10
13	Nậm Sỏi 4	huyện Sông Mã	10
14	Chiềng Sơ	huyện Sông Mã	11
15	Nà Nghịu	huyện Sông Mã	12
16	Suối Quanh	huyện Vân Hồ	6,5
17	Nậm Pùn 1	huyện Sốp Cộp	7
18	Nậm Pùn 2	huyện Sốp Cộp	7,2
19	Suối Lạt	huyện Phù Yên	5
20	Suối Ngang	huyện Phù Yên	6
21	Suối Gà	huyện Phù Yên	5
22	Làng Sáng	huyện Bắc Yên	6,5
23	Nậm Chim 3	huyện Bắc Yên	5
24	Nậm Chim A	huyện Bắc Yên	8
25	Nậm Trai 5	huyện Mường La	10
26	Chiềng Ngàm Hạ	huyện Thuận Châu	5
27	Nậm Ngùa	huyện Quỳnh Nhai	10,4
28	Nậm Khăn	huyện Quỳnh Nhai	10,2
29	Nậm Ty Thượng	huyện Sông Mã	15
30	Nậm Ty 2	huyện Sông Mã	6
31	Suối Bé 1	huyện Bắc Yên	6
32	Các thủy điện trên các hồ thủy lợi, hồ chứa nước; các thủy		20

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
	điện siêu nhỏ cung cấp điện cho phụ tải tại chỗ, phụ tải khu vực		
B	Các dự án điện gió		2.837
1	Điện gió Tà Xùa	huyện Bắc Yên	72
2	Điện gió Hồng Ngài	huyện Bắc Yên	108
3	Điện gió Mộc Châu	huyện Mộc Châu	110
4	Điện gió Mai Sơn	huyện Mai Sơn	128
5	Điện gió Risen Phù Yên	huyện Phù Yên	100
6	Điện gió Thiên Vũ Bắc Yên	huyện Bắc Yên	100
7	Điện gió Háng Đồng	huyện Bắc Yên	48
8	Điện gió Bắc Yên 1	huyện Bắc Yên	150
9	Điện gió Phù Yên	huyện Phù Yên	99
10	Điện Gió Phù Yên 1	huyện Phù Yên	300
11	Điện Gió Phù Yên 2	huyện Phù Yên	150
12	Điện gió Mường La 1	huyện Mường La	222
13	Điện gió Mường La 2	huyện Mường La	120
14	Điện Gió Mai Sơn 2	huyện Mai Sơn	300
15	Điện gió Mường Sam	huyện Sốp Cộp	280
16	Điện gió Tây Phù Yên	huyện Phù Yên	100
17	Điện gió Bắc Yên 2	huyện Bắc Yên	150
18	Điện gió Sông Mã	huyện Sông Mã	300
19	Các dự án điện gió tiềm năng khác	trên địa bàn tỉnh	
C	Các dự án điện mặt trời		996
1	Yên Châu 1	huyện Yên Châu	48
2	Yên Châu 2	huyện Yên Châu	48
3	Yên Châu 3	huyện Yên Châu	30
4	Sông Mã 1	huyện Sông Mã	75
5	Sông Mã 2	huyện Sông Mã	75
6	Thuận Châu 1	huyện Thuận Châu	40
7	Mai Sơn 1	huyện Mai Sơn	35
8	Mường La 1	huyện Mường La	40
9	Bắc Yên 1	huyện Bắc Yên	55
10	Bắc Yên 2	huyện Bắc Yên	50

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
11	Các dự án điện mặt trời khác có tiềm năng		500
D	Các dự án điện sinh khối		25
	Điện sinh khối Quỳnh Nhai	huyện Quỳnh Nhai	25
Đ	Các dự án điện rác		7
1	Điện rác thành phố Sơn La	Thành phố Sơn La và phụ cận	4
2	Điện rác Mộc Châu	Đô thị Mộc Châu và phụ cận	3

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các dự án thủy điện đang vận hành, đang triển khai hoặc đã có trong quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chỉ được điều chỉnh quy mô, công suất khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định;

- Đối với các nguồn điện tiềm năng: Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường, dân cư, nhu cầu hệ thống, thời điểm xuất hiện, ... để báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép trước khi thực hiện khi đảm bảo quy định. Việc đầu tư các dự án nguồn điện tiềm năng chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan;

- Việc đầu tư các dự án thủy điện nhỏ phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất, ...; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, ... và các quy định khác có liên quan;

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI, LƯỚI ĐIỆN
PHÂN PHỐI TỈNH SƠN LA
THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

I. Phương án phát triển trạm biến áp và đường dây điện 500KV, 200KV

1. Phương án phát triển trạm biến áp

TT	Tên Trạm biến áp	Công suất dự kiến (KVA)	Ghi chú
1	Mường La	500	Cải tạo
2	Suối Sập 2A	200	Xây mới, giải phóng công suất thủy điện theo văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/01/2021
3	Phù Yên	375	Xây mới, cấp điện phụ tải chuyên dùng
4	Mộc Châu	250	Xây mới
5	Sông Mã	250	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
6	Sơn La 1	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

2. Phương án phát triển đường dây điện

TT	Tên Đường dây	Số mạch x Km	Ghi chú
1	Nâng khả năng tải Sơn La – Việt Trì	1 x 167	Cải tạo, nâng khả năng tải
2	500kV Sơn La – Điện Biên	2 x 133	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Điện Biên
3	Nâng khả năng tải 500kV Sơn La – Sơn La	1 x 41	Cải tạo, nâng khả năng tải, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
4	Nâng khả năng tải 500kV Sơn La – Mường La	1 x 21	Cải tạo, nâng khả năng tải, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
5	Nâng khả năng tải Mường La – Sơn La	1 x 32	Cải tạo, nâng khả năng tải, đồng bộ theo quy mô và tiến

TT	Tên Đường dây	Số mạch x Km	Ghi chú
			độ nguồn điện khu vực
6	Suối Sập 2A – Rẽ Sơn La – Việt Trì	2 x 5	Xây mới, giải phóng công suất thủy điện theo văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/01/2021
7	Phù Yên – Rẽ Sơn La – Việt Trì	2 x 7	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Phù Yên (Cấp điện phụ tải chuyên dùng)
8	Mộc Châu – Rẽ nối thủy điện Trung Sơn	2 x 35	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Mộc Châu
9	Sông Mã – Sơn La 500kV	2 x 83	Xây mới, giải phóng công suất các nhà máy điện
10	Sơn La 1 – Rẽ Sơn La – Suối Sập 2A	2 x 4	Cải tạo, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

II. Phương án phát triển trạm biến áp và đường dây điện 110kV, 35kV

1. Phương án phát triển trạm biến áp 110kV, 35kV

TT	Tên công trình	Quy mô công suất (MVA)				Cấp điện áp (kV)	Ghi chú
		Hiện trạng	Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn đến 2030	Giai đoạn đến 2050		
I	Huyện Vân Hồ						
1	TBA Vân Hồ		25	50	80	110/35/22	Xây dựng mới
2	TBA KCN Vân Hồ			25	50	110/35/22	Xây dựng mới
II	Huyện Mộc Châu						
1	TBA Mộc Châu	50	50	80	80	110/35/22	Nâng công suất
2	TBA Mộc Châu 2			40	80	110/35/22	Xây dựng mới
3	TBA Mộc Châu 3				80	110/35/22	Xây dựng mới
III	Huyện Yên Châu						
1	TBA Yên Châu	25	25	50	80	110/35/22	Nâng công suất
2	TBA Yên Châu 2				80	110/35/22	Xây dựng mới

TT	Tên công trình	Quy mô công suất (MVA)				Cấp điện áp (kV)	Ghi chú
		Hiện trạng	Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn đến 2030	Giai đoạn đến 2050		
IV	Huyện Mai Sơn						
1	TBA Mai Sơn	40	80	80	166	110/35/22	Nâng công suất
2	TBA KCN Mai Sơn			40	80	110/35/22	Xây dựng mới
3	TBA Nà Sản				80	110/35/22	Xây dựng mới
4	TBA Mai Sơn 2				80	110/35/22	Xây dựng mới
5	TBA ĐSK Mía đường Sơn La			30	30	Theo quy mô khi lập dự án	Xây dựng mới
V	TP. Sơn La						
1	TBA Sơn La	80	80	80	80	110/35/22	
2	TBA Sơn La 2	25	65	80	80	110/35/22	Nâng công suất
3	TBA Sơn La 3				80	110/35/22	Xây dựng mới
VI	Huyện Thuận Châu						
1	TBA Thuận Châu	16	25	50	80	110/35/22	Nâng công suất
2	TBA Thuận Châu 2				80	110/35/22	Xây dựng mới
VII	Huyện Quỳnh Nhai						
1	TBA Quỳnh Nhai			25	50	110/35/22	Xây dựng mới
2	TBA ĐSK Quỳnh Nhai			30	30	110/35/22	Xây dựng mới
VIII	Huyện Mường La						
1	TBA Mường La	80	80	80	80	110/35/22	
2	TBA Mường La 2				80	110/35/22	Xây dựng mới
IX	Huyện Bắc Yên						
1	TBA Bắc Yên		25	25	50	110/35/22	Xây dựng

TT	Tên công trình	Quy mô công suất (MVA)				Cấp điện áp (kV)	Ghi chú
		Hiện trạng	Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn đến 2030	Giai đoạn đến 2050		
							mới
2	TBA 110kV Niken			50	50	110/35/22	Xây dựng mới
X	Huyện Phù Yên						
1	TBA Phù Yên	32	41	50	80	110/35/22	Nâng công suất
2	TBA Phù Yên 2				80	110/35/22	Xây dựng mới
XI	Huyện Sông Mã						
1	TBA Sông Mã	25	50	50	50	110/35/22	Nâng công suất
2	TBA Chiềng Khương			40	80	110/35/22	Xây dựng mới
3	TBA Sông Mã 2				80	110/35/22	Xây dựng mới
XII	Huyện Sốp Cộp						
1	TBA Sốp Cộp				50	110/35/22	Xây dựng mới
2	Các TBA nâng áp các nhà máy điện					Theo quy mô khi lập dự án	Xây dựng mới
	Tổng cộng	373	546	955	2126		

2. Phương án phát triển đường dây điện 110kV

TT	Tên công trình	Ghi chú
I	Nâng cấp, cải tạo đường dây 110 kV	
1	Rẽ Nậm Công 4	Xóa T
2	Rẽ Tắt Ngoắt	Xóa T
3	Cải tạo đường dây từ VT 74 lộ 176 - TĐ Suối lùm 3	Nâng cao khả năng truyền tải
4	Cải tạo đường dây từ T220kV Sơn La - T110kV Yên Châu - T110kV Mộc Châu	Nâng cao khả năng truyền tải
5	Cải tạo đường dây TĐ Nậm Công 4 - T220kV Sơn La	Nâng cao khả năng truyền tải
6	Cải tạo đường dây TĐ Tà Cọ - Sông Mã - TĐ Nậm Công 4	Nâng cao khả năng truyền tải

TT	Tên công trình	Ghi chú
7	Cải tạo đường dây nhánh rẽ TĐ Mường Hung	Nâng tiết diện
8	Cải tạo các đường dây 110kV hiện hữu	Nâng cao khả năng truyền tải
II	Xây dựng mới đường dây 110kV	
1	Rẽ TBA Vân Hồ	Đầu chuyển tiếp ĐZ 110kV Mộc Châu - Mai Châu
2	Rẽ TBA KCN Vân Hồ	xã Vân Hồ
3	Rẽ TBA Mộc Châu 2	xã Mường Sang
4	Rẽ TBA Mộc Châu 3	xã Tân Lập
5	Rẽ TBA Yên Châu	Đầu chuyển tiếp ĐZ 110kV Sập Việt - To Buông
6	Rẽ TBA Yên Châu 2	huyện Yên Châu
7	Rẽ TBA Nà Sản	xã Chiềng Mung
8	Rẽ TBA Mai Sơn 2	xã Bình Minh
9	Rẽ TBA KCN Mai Sơn	xã Mường Bon, KCN Mai Sơn
10	XM Mai Sơn - T110 Mai Sơn	huyện Mai Sơn, xóa T đầu nối trạm XM Mai Sơn
11	Rẽ TBA Sơn La 2	Đầu chuyển tiếp ĐZ 110kV Sơn La - Thuận Châu
12	Rẽ TBA Sơn La 3	phường Chiềng Ngần
13	Rẽ TBA Thuận Châu 2	xã Chiềng Pắc
14	Rẽ TBA Quỳnh Nhai	Đầu chuyển tiếp ĐZ 110kV Sơn La - Tuần Giáo
15	Rẽ TBA Mường La 2	xã Mường Bú
16	Rẽ TBA Phù Yên 2	xã Mường Thái
17	Rẽ TBA Bắc Yên	Đầu về trạm Phù Yên
18	Rẽ TBA 110kV Niken Bắc Yên	xã Tạ Khoa, Bắc Yên
19	Rẽ TBA Chiềng Khương	xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã
20	Rẽ TBA Sông Mã 2	xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã
21	Rẽ TBA Sốp Cộp	Đầu chuyển tiếp ĐZ 110kV TĐ Nậm Pùn - Tà Cọ
22	Xuất tuyến 110kV sau trạm 220kV Sông Mã	Huyện Sông Mã + Sốp Cộp
23	Xuất tuyến 110kV sau trạm 220kV Mộc Châu	Huyện Mộc Châu + Vân Hồ
24	Xuất tuyến 110kV sau trạm 220kV Sơn La 1	Huyện Mai Sơn

TT	Tên công trình	Ghi chú
25	TBA Mai Sơn - TBA Yên Châu	Giải tỏa công suất nhà máy điện
26	TBA Yên Châu - Vân Hồ (mạch 2)	Giải tỏa công suất nhà máy điện
27	T220kV Mường La - T110kV Bắc Yên	Đảm bảo N-1 cho TBA Bắc Yên, Phù Yên
28	T110kV Mộc Châu 3 - T110kV Bắc Yên	Liên kết lưới điện 110kV
29	TĐ Nậm Hồng - T220kV Mường La	Giải tỏa công suất thủy điện
30	TĐ Mường Lầm - TĐ Tà Cọ	Hoàn thiện mạng lưới 110kV liên lạc, giải tỏa công suất nguồn điện
31	TĐ Bó Sinh - Thuận Châu	Đầu nối thủy điện
32	TĐ Mường Lầm - TĐ Bó Sinh	Đầu nối thủy điện
33	Đầu nối thủy điện Suối Lùm 1 mở rộng	Suối Lùm 1 mở rộng - TBA 220 Mường La
34	Đầu nối thủy điện Suối Tân 3	Chuyển tiếp trên đường dây 10kV Mộc Châu - Sơn La
35	Đầu nối thủy điện Quang Huy	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Phù Yên - Ba Khe
36	Đầu nối thủy điện Nậm Trai 3	Thanh cái TBA 110kV Mường La
37	Đầu nối thủy điện Suối Lùm 1A	Thanh cái 110kV TĐ Suối Lùm 1
38	Đầu nối thủy điện Suối Bé	Thanh cái 110kV Phù Yên (Mở rộng ngăn lộ 110kV tại trạm Phù Yên)
39	Đầu nối thủy điện Xím Vàng 3	Xím Vàng 3 – Suối Lùm 1 mở rộng – thanh cái 110kV TBA 220kV Mường La
40	Đầu nối thủy điện Nậm Hét 1	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Sơn La – Tuần Giáo
41	Đầu nối thủy điện Nậm Hét 2	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Sơn La – Tuần Giáo
42	Đầu nối thủy điện Chiềng Khương	Thanh cái 110kV TBA 220kV Sơn La
43	Đầu nối thủy điện Yên Hưng	Chuyển tiếp đường dây 110kV Tà Cọ - Thuận Châu
44	Đầu nối thủy điện Chiềng Cang	Thanh cái 110kV TĐ Chiềng Khương
45	Đầu nối thủy điện Chiềng Khoong	Thanh cái 110kV TĐ Chiềng Cang
46	Đầu nối thủy điện Mường Bằng	Chuyển tiếp đường dây 110kV từ TBA 220kV Sơn La - TBA 110kV Sơn La
47	Đầu nối thủy điện Suối Khừa	Thanh cái 110kV NMTĐ Tắt Ngoắt

TT	Tên công trình	Ghi chú
48	Đầu nối thủy điện Suối Phiêng	Đầu nối cụm thủy điện Huổi Luông, Suối Phiêng về TBA 110kV Mộc Châu hoặc TBA 110kV thủy điện Hồng Ngải
49	Đầu nối thủy điện Huổi Luông	
50	Đầu nối thủy điện Nậm Sỏi 1	Thanh cái TBA 110kV Nậm Sỏi 4
51	Đầu nối thủy điện Nậm Sỏi 3	Thanh cái TBA 110kV Nậm Sỏi 4
52	Đầu nối thủy điện Nậm Sỏi 4	Chuyển tiếp đường dây 110kV Chiềng Khoong -Chiềng Cang hoặc xây dựng đường dây 35 kV đầu nối TBA 110kV Tà Cọ
53	Đầu nối thủy điện Chiềng Sơ	Chuyển tiếp đường dây 110kV Sông Mã - Yên Hưng
54	Đầu nối thủy điện Nà Nghịu	Chuyển tiếp vào ĐZ 110kV Sông Mã - Chiềng Sơ
55	Đầu nối thủy điện Suối Quanh	Chuyển tiếp đường dây 110kV Mộc Châu - Mai Châu
56	Đầu nối cụm thủy điện Nậm Pồ 1, Nậm Pồ 2	TBA 110kV Tà Cọ hoặc trạm 220kV Sông Mã
57	Đầu nối cụm thủy điện Suối Lạt, Suối Ngang, Suối Bé 1	Chuyển tiếp đường dây 110kV Phù Yên -Ba Khe
58	Đầu nối thủy điện Nậm Ty 2	Chuyển tiếp đường dây 110kV Sông Mã - Thuận Châu
59	Đầu nối thủy điện Nậm Ty Thượng	Đầu chuyển tiếp ĐZ 110kV Bó Sinh - Thuận Châu
60	Đầu nối điện gió Tà Xùa	Đầu nối thanh cái 110kV TBA 220 kV HaTaCo Bắc Yên
61	Đầu nối điện gió Háng Đồng	Đầu nối thanh cái 110kV TBA 110kV TĐ Suối Sập 1
62	Đầu nối điện gió Phù Yên	Đầu nối thanh cái 110kV TBA 220 kV HaTaCo Bắc Yên
63	Đầu nối điện gió Mộc Châu	Thanh cái trạm 110kV Mộc Châu
64	Đầu nối điện sinh khối mía đường Sơn La	Đường dây 110kV (35kV) phục vụ truyền tải điện sinh khối Mía đường Sơn La
65	Đầu nối điện sinh khối Quỳnh Nhai	Đường dây 110kV (35kV) phục vụ truyền tải điện sinh khối Quỳnh Nhai
66	Đầu nối điện gió Bắc Yên 2	TBA điện gió Tà Xùa
67	Đầu nối các dự án nguồn điện khác	

3. Phương án phát triển đường dây điện 35kV

TT	Tên công trình	Ghi chú
1	Xây dựng mới các xuất tuyến trung áp sau các TBA 110kV cấp điện cho các phụ tải	Toàn tỉnh
2	Xây dựng mới các đường dây mạch vòng trung áp, đầu nối các trạm biến áp phân phối, chuyên dùng và các nhà máy điện phát điện trung áp	Toàn tỉnh
3	Cải tạo, nâng cấp các đường dây trung áp	Nâng cao năng lực cấp điện
4	Đầu nối thủy điện Chiềng Hắc 1	Thanh cái 35kV trạm 110kV Yên Châu
5	Đầu nối thủy điện Chiềng Hắc 2	Đầu nối đường dây 35kV Chiềng Hắc 1 - trạm 110kV Yên Châu
6	Đầu nối thủy điện Suối Lèo	Lộ 375 của TBA 110kV Phù Yên
7	Đầu nối thủy điện Nậm Ty	Lộ 373 Sông Mã đi lộ 371 Thuận Châu
8	Đầu nối thủy điện Nậm Pàn 6	Đường dây 35kV lộ 374 E17.2 (Sơn La)
9	Đầu nối thủy điện Xím Vàng	Thanh cái 35kV TBA 110kV Xím Vàng 3
10	Đầu nối thủy điện Suối Gà	Thanh cái 35kV (6kV) Trạm 110kV Mường Bang
11	Đầu nối thủy điện Nậm Chim 3	Đầu nối TBA 110kV Nậm Chim 2
12	Đầu nối thủy điện Hang Chú	Đầu nối TBA 110kV Nậm Chim 3
13	Đầu nối thủy điện Nậm Trai 5	Đầu nối vào ĐZ 35kV mạch kép 379;381 Trạm 110kV Mường La
14	Đầu nối thủy điện Chiềng Ngâm Hạ	Đầu nối lộ 375 E17.4 TBA 110kV Thuận Châu
15	Đầu nối thủy điện Nậm Ngựa	ĐZ 35kV đầu nối lưới điện khu vực
16	Đầu nối thủy điện Nậm Khăn	ĐZ 35kV đầu nối lưới điện khu vực
17	Đầu nối nhà máy điện Sinh khối Mía đường Sơn La	Đầu nối vào thanh cái 35 kV trạm 110 kV Mai Sơn
18	Đầu nối thủy điện Nậm Khót 2	Đường dây 35kV Ngọc Chiến - Trạm 110 Mường La
19	Đầu nối các dự án nguồn điện khác	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp, sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn điện và cấu hình lưới điện trong thực tế;

- Tiến độ, vị trí, quy mô của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn điện và cấu hình lưới điện trong thực tế. Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư./.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu xử lý chất thải	Địa điểm dự kiến	Công suất dự kiến (tấn/ngày)
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La	Thành phố Sơn La	158,4
2	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn huyện Thuận Châu và Quỳnh Nhai	Huyện Thuận Châu	107
3	Khu xử lý chất thải rắn huyện Thuận Châu	Huyện Thuận Châu	20
4	Khu xử lý chất thải rắn huyện Mường La	Huyện Mường La	50
5	Khu xử lý chất thải rắn huyện Bắc Yên	Huyện Bắc Yên	24
6	Khu xử lý chất thải rắn huyện Phù Yên	Huyện Phù Yên	60
7	Khu xử lý chất thải rắn huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	75
8	Khu xử lý chất thải rắn huyện Yên Châu	Huyện Yên Châu	36
9	Khu xử lý chất thải rắn huyện Mai Sơn	Huyện Mai Sơn	90
10	Khu xử lý chất thải rắn huyện Sông Mã	Huyện Sông Mã	69
11	Khu xử lý chất thải rắn huyện Sốp Cộp	Huyện Sốp Cộp	23
12	Khu xử lý chất thải rắn huyện Vân Hồ	Huyện Vân Hồ	21,5
13	Nhà máy xử lý chất thải rắn Công nghiệp Vân Hồ	Huyện Vân Hồ	22

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

Phụ lục X

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Cơ sở y tế	Đến năm 2030			Ghi chú
		Số lượng	Số giường	Diện tích đất dự kiến (ha)	
I	Cơ sở tuyến tỉnh	9	2690	27,71	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	1	1000	14,5	Nâng cấp mở rộng quy mô và hiện đại trang thiết bị y tế
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Mộc Châu	1	500	4,5	Nâng cấp thành bệnh viện đa khoa khu vực hạng I cấp tỉnh. Mở rộng quy mô diện tích
3	Bệnh viện Phổi	1	150	1,04	Nâng cấp, đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng quy mô tại các bệnh viện chuyên khoa.
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng	1	250	0,58	
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền	1	350	1,28	
6	Bệnh viện Phong và Da liễu	1	120	1,11	
7	Bệnh viện Nội tiết	1	120	1,47	
8	Bệnh viện Tâm thần	1	100	2,43	
9	Bệnh viện Mắt	1	100	0,80	
10	Y tế dự phòng: Trung tâm kiểm soát bệnh tật; Trung tâm Giám định Y khoa; Trung tâm kiểm nghiệm; Trung tâm pháp Y	4			
II	Cơ sở tuyến huyện	24	2350	39,77	
1	Bệnh viện đa khoa huyện	12			
1.1	Bệnh viện đa khoa thành phố Sơn La (II)	1	150	1,44	
1.2	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên (II)	1	140	5,23	
1.3	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Nhai (II)	1	130	2,94	
1.4	Bệnh viện đa khoa huyện	1	150	10	

	Vân Hồ (II)				
1.5	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu (II)	1	300	1,61	
1.6	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu (II)	1	160	2,5	
1.7	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã (II)	1	200	3,63	
1.8	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên (II)	1	230	1,16	
1.9	Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn (II)	1	250	2,62	
1.10	Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp (II)	1	120	2,09	
1.11	Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên (II)	1	320	1,3	
1.12	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La (II)	1	200	1,55	
2	Trung tâm y tế huyện	12		3,7	
III	Cơ sở y tế ngoài công lập	4	800		
1	Bệnh viện đa khoa Cuộc sống	1	200	1,68	Duy trì vị trí hiện tại, mở rộng quy mô số giường
2	Bệnh viện đa khoa khu đô thị Đông Phù Yên	1	200	2,58	Xây mới
3	Cơ sở y tế tư nhân 1	1	200	2,5	Xây mới
4	Cơ sở y tế tư nhân 2	1	200	2,5	Xây mới
IV	Cơ sở y tế ngành dọc				
	Bệnh viện Công an tỉnh	1	100	2,00	

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Phương án phát triển	Số trường	Ghi chú
I	Giáo dục phổ thông	50	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú	12	
2	Trường THPT, Liên cấp THCS-THPT, Liên cấp TH-THCS-THPT	35	
3	Trường THPT, Liên cấp THCS-THPT, Liên cấp TH-THCS-THPT ngoài công lập	03	
II	Giáo dục hòa nhập		
	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập	02	
III	Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên		
1	Cơ sở công lập		
1.1	Trường Cao đẳng Sơn La	1	
1.2	Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ	1	
1.3	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La	1	Mở rộng cơ sở trường Cao đẳng Y tế Sơn La
1.4	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	12	Nâng cấp các trung tâm giáo dục thường xuyên huyện theo hướng gắn với Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp
2	Cơ sở ngoài công lập		
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	28	Thu hút đầu tư, xây dựng mới
IV	Giáo dục đại học		
	Trường Đại học Tây Bắc	1	

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

Phụ lục XII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên các thiết chế	Đến năm 2030		Ghi chú
		Số lượng (công trình)	Diện tích đất dự kiến (ha)	
A	Công trình cấp tỉnh			
I	Công trình văn hóa			
1	Trung tâm văn hoá - Điện ảnh	1	1,2	Mở rộng quy mô, nâng cấp cải tạo các khu chức năng
2	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh	1	1,46	Duy trì quy mô hiện tại, nâng cấp cơ sở vật chất
	<i>Cung thiếu nhi</i>	<i>1</i>		
	<i>Trung tâm thanh thiếu niên</i>	<i>1</i>		
3	Nhà văn hoá lao động	1	1	Tại thành phố Sơn La
4	Bảo tàng tỉnh	1	1,02	Tại thành phố Sơn La
5	Thư viện	1	0,5	Tại thành phố Sơn La
6	Rạp hát tỉnh Sơn La (1.200 chỗ)	1	0,88	Tại thành phố Sơn La
II	Công trình thể thao			
1	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh (tại bản Thảm, Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La)	1	13,31	Nâng cấp, cải tạo, xây mới khu chức năng.
2	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao (tổ 8 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La)	1		Nâng cấp, cải tạo, xây mới khu chức năng.
B	Công trình cấp huyện			
I	Công trình văn hóa			Bổ sung các thiết chế văn hóa còn thiếu ở các huyện chưa có, rà soát nâng cấp chất lượng thiết chế văn hóa ở những huyện đã có
1	Trung tâm văn hóa - thể thao (hoặc trung tâm truyền thông văn hoá)	12	12	
2	Thư viện cấp huyện	12	1,8	

TT	Tên các thiết chế	Đến năm 2030		Ghi chú
		Số lượng (công trình)	Diện tích đất dự kiến (ha)	
3	Cung văn hóa lao động hoặc nhà văn hóa lao động	4	1,8	hạ tầng.
4	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi	6	2,7	
II	Công trình thể thao	42	35,4	
1	Trung tâm thể dục thể thao	12	3,6	Xây dựng mở rộng các thiết chế thể thao, chỉnh trang sân thể thao thành sân vận động cơ bản tại các huyện.
2	Sân vận động (2,0 ha)	12	24	
3	Nhà tập luyện và thi đấu (500-1.000) chỗ	12	6	
4	Bể bơi có mái (3.000m ²)	6	1,8	

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
I	Chợ			
1	Chợ đầu mối nông sản Mai Sơn	Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	Hạng I	Xây mới
2	Chợ đầu mối thành phố Sơn La	Xã Hua La, thành phố Sơn La	Hạng I	Xây mới
3	Chợ đầu mối nông sản Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Hạng II	Xây mới
4	Chợ Noong Đức	Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Hạng II	Xây mới
5	Chợ trung tâm huyện Vân Hồ	Lô số 31 quy hoạch Khu trung tâm hành chính, chính trị huyện Vân Hồ	Hạng II	Xây mới
6	Chợ trung tâm huyện Yên Châu	Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	Hạng II	Xây mới
7	Chợ trung tâm huyện Mường La	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Hạng II	Xây mới
9	Chợ trung tâm huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	Hạng II	Xây mới
10	Chợ trung tâm huyện Mai Sơn	Thị trấn Mai Sơn, huyện Mai Sơn	Hạng II	Xây mới
11	Chợ trung tâm huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	Hạng II	Xây mới
12	Chợ dân sinh tại các khu dân cư mới, xã, phường, thị trấn	Tại các khu dân cư mới, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.	Hạng III	Xây mới
II	Trung tâm Hội chợ triển lãm			

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến	Ghi chú
	Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh Sơn La	Thành phố Sơn La	Hạng II	Xây mới
III	Trung tâm thương mại			
1	Trung tâm thương mại thành phố Sơn La	Phường Chiềng Sinh, Tp Sơn La	Hạng III	Xây mới
2	Trung tâm thương mại huyện Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	Hạng III	Xây mới
3	Trung tâm thương mại huyện Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Hạng III	Xây mới
4	Trung tâm thương mại huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	Hạng III	Xây mới
5	Trung tâm thương mại huyện Mường La	Tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong	Hạng III	Xây mới
6	Trung tâm thương mại huyện Phù Yên	Thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên	Hạng III	Xây mới
7	Trung tâm thương mại huyện Mộc Châu	Thị trấn Mộc Châu	Hạng III	Xây mới
8	Khu thương mại dịch vụ, siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi.	Trung tâm các huyện, các xã trên địa bàn tỉnh		Xây mới
IV	Trung tâm logistics			
1	Trung tâm logistics Mai Sơn	Gần Khu Công nghiệp Mai Sơn và Cảng hàng không Nà Sản	Hạng II	Xây mới
2	Trung tâm logistics Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	Hạng II	Xây mới
IV	Cửa hàng xăng dầu			
	Cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu	Tại các xã, ưu tiên các xã chưa có cửa hàng xăng dầu trên địa bàn toàn tỉnh.	Hạng III	Xây mới

Ghi chú: Tên, quy mô, địa điểm, diện tích đất sử dụng của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./

.Phụ lục XIV

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ (ha)	Quy hoạch đến năm 2030 (ha)
I	Loại đất			
	Tổng diện tích tự nhiên			1.410.889*
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.241.950	1.241.856
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	40.659	40.659
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	12.712	12.712
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		120.375
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	334.100	334.100
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	87.831	87.831
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	272.810	272.810
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	247.158	247.158
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	76.242	76.242
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2.697	2.697
2.2	Đất an ninh (**)	CAN	549	657
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	366	366
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		588
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		1.842
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		1.078
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		2.730
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	42.899	42.899
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	13.272	13.272
-	Đất thủy lợi	DTL		1.533
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	360	360
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	148	148
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1.189	1.189
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	139	139
-	Đất công trình năng lượng	DNL	26.046	26.046
-	Đất bưu chính viễn thông	DBV	33	33

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ (ha)	Quy hoạch đến năm 2030 (ha)
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG	8	8
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	121	121
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	180	180
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON		98
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		3.485
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		4
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT		8.203
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT		2.402
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		254
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		53
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	92.791	92.791
II	Khu chức năng***			
1	Đất khu kinh tế	KKT	19.610	19.610
2	Đất đô thị	KDT	34.203	34.203
3	Đất khu sản xuất nông nghiệp	KNN		133.087
4	Khu lâm nghiệp	KLN		694.741
5	Khu du lịch	KDL		242.157
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT		88.085
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC		954
8	Khu đô thị	DTC		3.798
9	Khu thương mại - dịch vụ	KTM		1.842
10	Khu dân cư nông thôn	DNT		40.485

Ghi chú:

(*) Diện tích tự nhiên của tỉnh Sơn La xác định thấp hơn diện tích cấp quốc gia phân bổ là do tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình đã hiệp thương thống nhất tuyến địa giới hành chính giữa tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình tại biên bản ngày 22/12/2021. Tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình tiếp tục thống nhất triển khai các thủ tục trình cấp có thẩm quyền đảm bảo quy định;

(**) Theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ: Quy hoạch 306 vị trí đất với tổng diện tích là 657 ha;

(***) Không tính vào tổng diện tích tự nhiên;

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số

326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền;

- Trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU VỰC BẢO TỒN
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên gọi	Diện tích dự kiến (ha)	Địa điểm dự kiến
I	Khu dự trữ thiên nhiên		
1	Khu dự trữ thiên nhiên Mường La	18.836,10	Trên địa bàn các xã Hua Trai, Ngọc Chiến và Nậm Pấm của huyện Mường La
2	Khu dự trữ thiên nhiên Tà Xùa	16.959,60	Trên địa bàn các xã: Háng Đồng, Tà Xùa (Bắc Yên), Suối Tọ, Mường Thái (Phù Yên).
3	Khu dự trữ thiên nhiên Xuân Nha	18.172,50	Trên địa bàn các xã: Chiềng Xuân, Tân Xuân, Xuân Nha (huyện Vân Hồ), Chiềng Sơn, (huyện Mộc Châu).
4	Khu dự trữ thiên nhiên Cópia	16.337,7	Trên địa bàn các xã: Co Mạ, Long Hẹ, Chiềng Bôm (huyện Thuận Châu).
5	Khu dự trữ thiên nhiên Sốp Cộp	17.464,56	Trên địa bàn các xã: Nậm Mẩn, Huổi Một, Mường Cai (huyện Sông Mã), Púng Bánh, Sốp Cộp, Dòom Cang (huyện Sốp Cộp).
II	Khu bảo vệ cảnh quan		
1	Khu bảo vệ cảnh quan Rừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp	268,70	Thuộc bản Nhọt, xã Gia Phù thuộc huyện Phù Yên.
2	Khu bảo vệ cảnh quan rừng lịch sử đền Thờ vua Lê Thái Tông	15,8	Thuộc Tổ 3, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THẨM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Mỏ khoáng sản	Số lượng khu vực thẩm dò, khai thác dự kiến
I	Khoáng sản thuộc thẩm quyền quy hoạch của Trung ương	28
1	Chưa cấp phép	19
2	Đã cấp phép	9
II	Khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh	
1	Khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	53
2	Khoáng sản đá làm nguyên liệu sản xuất cát	13
3	Khoáng sản cát, sỏi trên sông, suối	53
4	Khoáng sản đất sét làm gạch ngói	12
5	Đất san lấp	31
6	Mỏ khoáng sản đã được khoanh định phân tán nhỏ lẻ	17
III	Các mỏ tiềm năng tiếp tục nghiên cứu đưa vào khai thác khi có đủ điều kiện	80
1	Các mỏ nghiên cứu để khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ	11
2	Các mỏ nghiên cứu tổ chức điều tra cơ bản địa chất	7
3	Các mỏ chưa được điều tra đánh giá được khoanh định bảo vệ khoáng sản chưa khai thác	62

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thẩm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch, quy định khác có liên quan; bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành./.

Phụ lục XVII

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
I	HẠ TẦNG GIAO THÔNG	
1	Đường bộ cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu, đoạn qua tỉnh Sơn La	Các huyện: Vân Hồ, Mộc Châu
2	Đường bộ cao tốc Mộc Châu- Thành phố Sơn La	Các huyện: Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, thành phố Sơn La
3	Cảng hàng không Nà Sản	Huyện Mai Sơn
4	Sân bay chuyên dùng Mộc Châu (phục vụ phát triển du lịch)	Huyện Mộc Châu
5	Cảng Vạn Yên	Huyện Phù Yên
6	Cảng Tà Hộc	Huyện Mai Sơn
7	Dự án đường đôi nội thị từ Chiềng Sinh đến Nà Sản	Thành phố Sơn La, huyện Mai Sơn
8	Cải tạo, nâng cấp ĐT.101 (Vân Hồ - Mường Tè), huyện Vân Hồ	Huyện Vân Hồ
9	Cải tạo, nâng cấp ĐT.104 (Mộc Châu - Tân Hợp), huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu
10	Cải tạo, nâng cấp ĐT.112 (Bắc Yên - Làng Chếu), huyện Bắc Yên	Huyện Bắc Yên
11	Cải tạo, nâng cấp ĐT.102 (Mường Lát - Mộc Châu), tỉnh Sơn La	Các huyện: Vân Hồ, Mộc Châu
12	Cải tạo, nâng cấp ĐT.105 (Sốp Cộp - Mường Lói), huyện Sốp Cộp	Huyện Sốp Cộp
13	Cải tạo, nâng cấp ĐT.105A (Sốp Cộp - Cửa khẩu Nậm Lạnh), huyện Sốp Cộp	Huyện Sốp Cộp
14	Đường tỉnh 118 (Chiềng Xôm - Chiềng Ngần - Mường Bằng - Cò Nòi)	Thành phố Sơn La, huyện Mai Sơn
15	ĐT.120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	Các huyện: Yên Châu, Bắc Yên
16	Đường tránh thị trấn Phù Yên	Huyện Phù Yên
17	Đường Nậm Măn, huyện Sông Mã - Púng Bánh, huyện Sốp Cộp	Các huyện Sông Mã, Sốp Cộp
18	Cải tạo, nâng cấp đường Chiềng Đông - Mường Lựm -	Các huyện: Yên Châu,

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
	Đá Đỏ - Tường Tiến	Bắc Yên, Phù Yên
19	Đường Phù Yên - Quang Huy - Suối Tọ - Háng Đồng - Tà Xùa	Các huyện: Phù Yên, Bắc Yên
20	Đầu tư xây dựng đường Tân Hợp - Chiềng Sại	Huyện Mộc Châu
21	Đầu tư xây dựng đường Suối Bàng - Liên Hòa - Quang Minh - Mường Men - Chiềng Yên	Huyện Vân Hồ
22	Đầu tư xây dựng đường Bó Sinh - Mường Bám - É Tòng - Mường É, huyện Thuận Châu	Huyện Thuận Châu
23	Đầu tư xây dựng đường Hua Trai - Ngọc Chiến, huyện Mường La	Huyện Mường La
24	Đầu tư xây dựng đường Mường Và - Nậm Lạnh - Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Huyện Sốp Cộp
25	Đầu tư xây dựng đường Nậm Mẩn - Đứa Mòn - Chiềng En - Pú Bấu, huyện Sông Mã	Huyện Sông Mã
26	Đường vành đai đô thị thành phố Sơn La - thị trấn Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Thành phố Sơn La, huyện Mai Sơn
II	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ	
1	Hạ tầng Khu kinh tế Lóng Sập	Xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu
2	Hạ tầng Khu kinh tế Chiềng Khương	Xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã
3	Hạ tầng Khu công nghiệp Mai Sơn	Xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn
4	Hạ tầng Khu công nghiệp Vân Hồ	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ
5	Hạ tầng các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
III	HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH	
1	Nhà máy chế biến chè công nghệ cao	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu
2	Nhà máy May	Quy hoạch cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ, TP.Sơn La
3	Nhà máy giấy - da	Quy hoạch cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ, TP.Sơn La
4	Dự án sơ chế, chế biến cà phê không gây ô nhiễm môi trường	Quy hoạch cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ
5	Nhà máy chế biến quả và dược liệu	Huyện Yên Châu
6	Dự án xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền	Xã Chiềng Bằng, xã Mường Giàng của

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
		huyện Quỳnh Nhai
7	Dự án tổ hợp chế biến thủy sản, nông sản, chế biến thức ăn gia súc, thức ăn nuôi thủy sản	Khu Phiêng Xía, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai
8	Nhà máy chế biến sâu cà phê	Huyện Thuận Châu
9	Nhà máy chế biến cà phê nhân	Huyện Thuận Châu
10	Nhà máy chế biến sắn	Huyện Thuận Châu
11	Nhà máy chế biến tinh bột sắn	Xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu/ huyện Sông Mã
12	Xí nghiệp giấy da	Huyện Thuận Châu
13	Nhà máy sản xuất chè công nghệ cao	Huyện Thuận Châu
14	Nhà máy chế biến hạt mắc ca	Huyện Quỳnh Nhai và một số huyện có vùng nguyên liệu
15	Các cơ sở, nhà máy bảo quản, chế biến rau, quả	Gắn với vùng nguyên liệu
IV	HẠ TẦNG THỦY LỢI, HỒ CHỨA, KÈ CHỐNG SẠT LỎ	
1	Dự án kè chống sạt lở tại các khu đô thị trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
2	Hệ thống kênh mương hạ tầng thủy lợi Nà Sản.	Huyện Mai Sơn
3	Dự án hồ Tà Phình 1+2	Huyện Mộc Châu
4	Dự án hồ Chiềng Đi	Huyện Mộc Châu
5	Dự án hồ Km 67	Huyện Mộc Châu
6	Dự án hồ Cò Chia	Huyện Yên Châu
7	Dự án hồ Bằng Mạn	Huyện Thuận Châu
8	Tưới ẩm cho cây công nghiệp xã Chiềng Ngần, khai thác hồ Bản Mòng	Thành phố Sơn La
V	HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DU LỊCH	
1	Bãi đỗ xe và kho vận (tại các khu vực có điểm đầu nối từ Trung tâm thành phố với đường Quốc lộ 6 và 02 đầu tuyến vào thành phố)	05 điểm tại Chiềng Cọ, Hua La, Chiềng Sinh, TP.Sơn La
2	Xây dựng, nâng cấp hệ thống bến xe, trạm dừng nghỉ Mộc Châu	Huyện Mộc Châu
3	Dự án xây dựng và khai thác các bến xe khách, xe buýt tại các xã Mường Giôn, Chiềng Khay, Chiềng Khoang	Các xã: Mường Giôn, Chiềng Khay, Chiềng Khoang của huyện Quỳnh Nhai
4	Xây dựng, khai thác các bến xe khách, xe buýt, bến tàu	Huyện Mộc Châu

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
	thủy phục vụ du lịch (sông Đà).	
5	Xây dựng, khai thác bến thủy nội địa	Các xã: Mường Chiên, Pá Ma Pha Khinh, Mường Giàng, Chiềng Bằng, Chiềng Khoang của huyện Quỳnh Nhai
6	Xây dựng các chợ đầu mối nông sản	Thành phố Sơn La, huyện Mộc Châu, huyện Mai Sơn
9	Chợ trung tâm huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ
10	Chợ Noong Đúc, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Sinh, TP.Sơn La
11	Trung tâm thương mại	Các huyện, thành phố
12	Dự án đầu tư khu thương mại dịch vụ, cửa hàng tiện ích, siêu thị mini tại trung tâm các xã	Các xã trên địa bàn tỉnh
13	Trung tâm hội chợ triển lãm	TP Sơn La
14	Trung tâm Logistics	Các huyện: Mộc Châu, Vân Hồ, Mai Sơn
15	Cửa hàng xăng dầu	Các xã chưa có cửa hàng xăng dầu trên địa bàn toàn tỉnh
16	Hạ tầng dịch vụ du lịch đỉnh Pha Luông	Huyện Mộc Châu
17	Khu trung tâm du lịch sinh thái thị trấn Nông trường Mộc Châu	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu
18	Khu du lịch sinh thái bảo tồn chè Mộc Châu	Huyện Mộc Châu
19	Đầu tư hạ tầng dịch vụ du lịch thị trấn Bắc Yên	Huyện Bắc Yên
20	Khu du lịch đèo Pha Đin	Huyện Thuận Châu
21	Khu du lịch tâm linh đền Hang Miếng	Xã Quang Minh, huyện Vân Hồ
22	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng phức hợp thác Nàng tiên, thác Chiềng Khoa	Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ
23	Khu du lịch thương mại	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ
24	Du lịch sinh thái hồ bản Mòng	Bản Mòng, xã Hua La, TP. Sơn La
25	Khu du lịch khoáng nóng nản Mòng, thành phố Sơn La	Bản Mòng, xã Hua La, thành phố Sơn La
26	Dự án Khu vui chơi giải trí và du lịch sinh thái Hồ Tiên Phong	Huyện Mai Sơn

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
27	Các dự án phát triển du lịch cộng đồng	Các huyện, thành phố
28	Khu du lịch sinh thái Hồ Mường Lựm	Xã Mường Lựm, huyện Yên Châu
29	Phát triển du lịch bản Thín Khá	Xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu
30	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La
31	Dự án phát triển du lịch sinh thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La
32	Dự án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, dịch vụ vui chơi, giải trí trên lòng hồ thủy điện Sơn La địa phận huyện Quỳnh Nhai	Các xã: Mường Giàng, Chiềng Ôn, Pá Ma Pha Khinh, Mường Chiên của huyện Quỳnh Nhai
33	Dự án khai thác hang động, xây dựng khu nghỉ dưỡng suối nước nóng; du lịch văn hóa, cộng đồng, sinh thái xã Mường Chiên	Xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai
34	Dự án phát triển khu du lịch sinh thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La	Các đảo trên lòng hồ thủy điện Sơn la
35	Dự án khu du lịch văn hóa tâm linh	Xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai
36	Dự án khai thác phát triển du lịch các hang động, đỉnh Khâu Pùm - Chiềng Khay; du lịch văn hóa, cộng đồng, sinh thái gắn với nông nghiệp nông thôn xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai
37	Đầu tư Khu du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La trở thành Khu du lịch quốc gia sau năm 2030	Các huyện: Quỳnh Nhai, Mường La
38	Du lịch khu di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp, rừng bản Nhọt xã Gia Phù, huyện Phù Yên	Xã Gia Phù, huyện Phù Yên
39	Du lịch đồi thông Nong Cóp	Xã Quang Huy, huyện Phù Yên
40	Khu nhà ở, thương mại dịch vụ và khu khách sạn ngã ba Quốc lộ 6 - Quốc lộ 43	Thị trấn Nông trường, huyện Mộc Châu
41	Khu đô thị, du lịch sinh thái Suối Vân Hồ	Tổ khu Sao Đỏ 1, Sao Đỏ 2, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ
42	Khu nhà ở hỗn hợp và trung tâm thương mại Vân Hồ	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ
43	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch bền vững	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ
44	Khu biệt thự nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái Đồi mây	Xã Vân Hồ, huyện Vân

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
	Vân Hồ	Hồ
45	Khu biệt thự và sân golf public	Bản Xôm Lôm, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu
46	Khu nghỉ dưỡng và dịch vụ sân golf xã Mường Sang	Xã Mường Sang, huyện Mộc Châu
47	Khu nghỉ dưỡng và dịch vụ sân golf xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu
48	Khu nghỉ dưỡng và dịch vụ sân golf xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp (xã Tân Lập + Tân Hợp), huyện Mộc Châu
49	Khu nghỉ dưỡng dịch vụ sân golf và khu tham quan, vui chơi, giải trí xã Hua Păng	Xã Hua Păng, huyện Mộc Châu
VI	HẠ TẦNG VĂN HÓA, XÃ HỘI	
1	Hạ tầng kỹ thuật khung xây dựng khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Huyện Mộc Châu
2	Khu Liên hợp thể thao huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu
3	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa hạng II TP Sơn La	TP Sơn La
4	Dự án bệnh viện đa khoa khu vực Mộc Châu	Huyện Mộc Châu
5	Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	TP Sơn La
6	Đầu tư nâng cao năng lực đo lường thử nghiệm và kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Sơn La	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường tỉnh Sơn La
7	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La	Thanh phố Sơn La, Sông Mã, Thuận Châu, Yên Châu, Phù Yên...
8	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	Thành phố Sơn La
9	Trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần	Thành phố Sơn La
10	Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh	Thành phố Sơn La
11	Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Thành phố Sơn La
12	Cải tạo, nâng cấp Trường trung học phổ thông Tô Hiệu thành phố Sơn La	Thành phố Sơn La
13	Trường trung học phổ thông Mường Giôn	Huyện Quỳnh Nhai
14	Trường Cao đẳng Sơn La	Thành phố Sơn La
15	Bệnh viện chất lượng cao	Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn
16	Trường Mầm non tư thục, trường Tiểu học, Trung học	Các huyện dọc trục

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
	cơ sở dọc Quốc lộ 6	Quốc lộ 6 trên địa bàn
17	Trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông chất lượng cao	Thị trấn Phù Yên
18	Nhà hát biểu diễn nghệ thuật tỉnh Sơn La	Thành phố Sơn La
19	Bảo tàng tổng hợp tỉnh Sơn La	Thành phố Sơn La
20	Rạp chiếu phim tỉnh Sơn La	Thành phố Sơn La
21	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Sơn La (giai đoạn II)	Thành phố Sơn La
22	Trường trung học phổ thông Chiềng Lao	Huyện Mường La
23	Trường tiểu học, trung học cơ sở chất lượng cao Ít Ong	Huyện Mường La
24	Đầu tư hạ tầng dịch vụ du lịch thị trấn Ít Ong gắn với du lịch lòng hồ và du lịch Ngọc Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La
VII	HẠ TẦNG CẤP, THOÁT NƯỚC	
1	Dự án cấp nước sạch đô thị	Các huyện, thành phố
2	Dự án cấp nước sạch nông thôn	Các xã trên địa bàn tỉnh
3	Hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Các huyện, thành phố
4	Dự án xử lý nước thải đô thị (Sốp Cộp, Sông Mã, Chiềng Khương)	Các huyện: Sốp Cộp, Sông Mã
VIII	HẠ TẦNG KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ	
	Xây dựng các khu đô thị, khu dân cư	Các huyện, thành phố
IX	HẠ TẦNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG	
1	Nhà máy xử lý môi trường huyện Mộc Châu	Xã Mường Sang, huyện Mộc Châu
2	Dự án khu xử lý chất thải rắn cho các khu đô thị	Các khu đô thị trên địa bàn toàn tỉnh
3	Công viên nghĩa trang tại thành phố Sơn La	Bản Nà Ngần, bản Ka Láp và bản Phường, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La
4	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại nông thôn	Các xã: Hua La, Chiềng Đen, Chiềng Ngần, Chiềng Cọ, Chiềng Xôm của thành phố Sơn La
5	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại	Huyện Mai Sơn
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai
7	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt; tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại	Huyện Phù Yên
X	HẠ TẦNG NÔNG, LÂM NGHIỆP	

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm đầu tư
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La	Xã Tân Lập, Mường Sang, huyện Mộc Châu
2	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các huyện, thành phố
3	Xây dựng các mô hình sản xuất nông sản, thủy sản ứng dụng công nghệ cao	Các huyện, thành phố
4	Nghiên cứu, ứng dụng, hỗ trợ giống cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp	Các huyện, thành phố
5	Nghiên cứu, ứng dụng, hỗ trợ giống vật nuôi, thủy sản	Các huyện, thành phố
6	Trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	Huyện Mộc Châu
7	Dự án phát triển vùng nguyên liệu cây lâm nghiệp lấy gỗ, tre	Huyện Mộc Châu
8	Chăn nuôi bò thịt tập trung	Xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ
XI	HẠ TẦNG QUỐC PHÒNG, AN NINH	
1	Dự án Nhà tạm giữ Công an thành phố Sơn La	Thành phố Sơn La
2	Trụ sở làm việc Công an thành phố Sơn La	Thành phố Sơn La
3	Trung tâm huấn luyện và đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn đặc biệt tinh nhuệ theo đề án số 10 của Bộ Công an	Thành phố Sơn La
4	Đội Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an thành phố Sơn La	Thành phố Sơn La
5	Trại tạm giam mới Công an tỉnh	Thành phố Sơn La
6	Bệnh xá/bệnh viện Công an tỉnh Sơn La	Thành phố Sơn La

Ghi chú:

- Đối với các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có): Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La rà soát, cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án; đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án: chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

- Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Các công trình, dự án đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia và Quy hoạch vùng được phê duyệt./.

Phụ lục XVIII
DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
TỈNH SƠN LA THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng... năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000